

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2028/2019/DS-ST
Ngày: 12/11/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự”
(Hợp đồng tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Kim Yến

2/. Bà Nguyễn Thanh Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Dũng là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0813/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 377/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 283/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ trụ sở: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông B và ông C - địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 36026/2019/UQ-VPB ngày 10/9/2019)(ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt lập ngày 27/9/2019).

Bị đơn: Ông D.

Địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2019, bản khai và các biên bản lập tại Tòa án, ông B - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/01/2015, ông D có ký “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn, kèm hợp đồng tín dụng” với Ngân hàng A - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Ngân hàng A).

Ngày 20/01/2015, Ngân hàng A đã chấp nhận và ra Thông báo cho vay và phê duyệt cho ông D vay tiền căn cứ “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn, kèm hợp đồng tín dụng số 2653211” như sau:

Số tiền vay: 99.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ 20/01/2015;

Lãi suất cho vay trong hạn: 27%/năm;

Kỳ hạn trả nợ: Chi tiết theo lịch trả nợ.

Ngày 20/01/2015 Ngân hàng A đã giải ngân số tiền vay 99.000.000 đồng cho ông B. Theo đó ông D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền là: 146.189.966 đồng (trong đó số tiền gốc là 99.000.000 đồng và tiền lãi là 47.189.966 đồng). Hàng tháng ông D phải trả nợ gốc và lãi là 4.060.833 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng từ ngày 20/02/2015 đến ngày 31/7/2017 ông D đã thanh toán tổng số tiền gốc 68.305.281 đồng và tổng số tiền lãi 50.847.852 đồng (theo bảng kê chi tiết đã nộp cho tòa án).

Từ ngày 20/11/2016, ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, khoản vay này đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn. Căn cứ theo Điều 2, Điều 8 và Điều 9 của Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng được tính như sau:

Lãi suất quá hạn được tính như sau: Lãi suất trong hạn 27% x 150% = 40,5%/năm.

Lãi suất ngày được tính như sau: 40,5%/360 ngày = 0,1125%/ngày.

Số ngày ông B vi phạm tạm tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/11/2019) là 1087 ngày với số tiền là 41.839.711 đồng, được tính như sau:

- Từ ngày 20/11/2016 đến ngày 30/3/2017 là 131 ngày:

55.733.152 đồng (nợ gốc) x 0,1125% x 131 ngày = 8.213.673 đồng.

- Từ ngày 31/03/2017 đến ngày 22/4/2017 là 23 ngày:

40.094.647 đồng (nợ gốc) x 0,1125% x 23 ngày = 1.037.449 đồng.

- Từ ngày 23/4/2017 đến ngày 27/5/2017 là 35 ngày:

35.081.102 đồng (nợ gốc) x 0,1125% x 35 ngày = 1.381.318 đồng.

- Từ ngày 28/5/2017 đến ngày 31/7/2017 là 65 ngày:

32.929.236 đồng (nợ gốc) x 0,1125% x 65 ngày = 2.407.950 đồng.

- Từ ngày 01/8/2017 đến ngày 12/11/2019 là 834 ngày:

$30.694.719 \text{ đồng (nợ gốc)} \times 0,1125\% \times 834 \text{ ngày} = 28.799.320 \text{ đồng.}$

Theo bảng kê chi tiết tổng tiền lãi trong hạn ông D phải đóng hàng tháng (từ 20/02/2015 đến ngày 19/11/2016 (đã nộp cho Tòa) là 39.874.597 đồng + 41.839.711 đồng (tiền lãi quá hạn còn thiếu được tính từ ngày 20/11/2016 đến ngày 12/11/2019 như trên) = 81.714.309 đồng.

Do ông D đã đóng tổng số tiền lãi 50.847.852 đồng (từ ngày 20/02/2015 đến 31/7/2017) nên số tiền lãi này sẽ được Ngân hàng trừ lại như sau là: 81.714.309 đồng – 50.847.852 đồng = 30.866.457 đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 12/11/2019 là: 30.694.719 đồng + 30.866.457 đồng = 61.561.176 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu ông D trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/11/2019) là 61.561.176 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông B tiếp tục trả tiền lãi theo lãi suất do hai bên đã thỏa thuận theo Thông báo cho vay và phê duyệt của Ngân hàng A như trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn ông D như sau: Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Công an Phường 01, quận Bình Thạnh ngày 10/7/2019 như sau: “ D, SN: 1969 có hộ khẩu tại đường X, Phường Y, Quận Z đã bán nhà đi khỏi địa phương, hiện không rõ đi đâu từ năm 2016”.

Nguyên đơn đã cung cấp cấp địa chỉ chính xác của bị đơn tại địa chỉ đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi trong “ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 10/01/2015” và đơn khởi kiện nhưng hiện nay bị đơn cư trú ở đâu địa phương không liên lạc được. Bị đơn đã không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy

định của pháp luật về nơi cư trú làm cho nguyên đơn không biết nhằm mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn nên trong trường hợp này được xác định là bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên sẽ giải quyết theo thủ tục chung (theo Điểm e Khoản 1 Điều 192 và hướng dẫn tại Điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án). Do đó Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định của pháp luật. Do bị đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện Hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn hiện cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ là 61.561.176 đồng(trong đó tiền nợ gốc 30.694.719 đồng và tiền nợ lãi là 30.866.457 đồng), trả một lần ngày sau bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: “Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn, kèm hợp đồng tín dụng ngày 10/01/2015; Thông báo cho vay và Phê duyệt vay của Ngân hàng A ngày 20/01/2015; lịch trả nợ; bảng chi tiết tính lãi và vốn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/11/2019); giấy lĩnh tiền; sao kê tài khoản giữa ông D với Ngân hàng.

Có cơ sở xác định giữa ông D và Ngân hàng A có ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông D đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng tín dụng nêu trên và đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc 68.305.281 đồng và tiền lãi 50.847.852 đồng.

Từ ngày 20/11/2016, ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển sang lãi quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn là $40,5\%/360 \text{ ngày} = 0,1125\%$ ngày nêu trên là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông D tại địa chỉ nêu trên. Bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không có ý kiến để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình và không chứng minh được việc đã trả nợ cho nguyên đơn là bao nhiêu. Việc nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả số tiền nêu trên và yêu cầu trả bị đơn trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 463, Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Ngân hàng A buộc bị đơn ông D phải trả số tiền còn nợ là 30.694.719 đồng (tiền nợ gốc) + 30.866.457 đồng (tiền nợ lãi) = 61.561.176 đồng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông D phải chịu là 61.561.176 đồng x 5% = 3.078.059 đồng (ba Bệu không trăm bảy mươi tám nghìn không trăm năm mươi chín đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.322.000 đồng (một Bệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A.

Buộc ông D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền còn nợ 61.561.176 đồng (sáu mươi một triệu năm trăm sáu mươi một nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng (trong đó tiền nợ gốc là 30.694.719 đồng, tiền nợ lãi là 30.866.457 đồng)). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 3.078.059 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi tám nghìn không trăm năm mươi chín đồng), ông D chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.322.000 đồng (một Bệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2018/0020835 ngày 07/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- CCTHADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Mỹ Hạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- CCTHADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Mỹ Hạnh